



## II. Hội đồng quản trị:

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| STT | Thành viên HĐQT   | Chức vụ           | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT |                 |
|-----|-------------------|-------------------|-------------------------------------------|-----------------|
|     |                   |                   | Ngày bổ nhiệm                             | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Phí Mạnh Cường    | Chủ tịch HĐQT     | 12/08/2016                                |                 |
| 2   | Đỗ Vinh Quang     | Phó Chủ tịch HĐQT | 28/6/2024                                 |                 |
| 3   | Lê Quốc Khánh     | TVHĐQT, TGD       | 12/08/2016                                |                 |
| 4   | Nguyễn Trung Kiên | TVHĐQT, P.TGD     | 27/06/2019                                |                 |
| 5   | Ngô Thị Thúy Mai  | TVHĐQT, P.TGD     | 28/6/2024                                 |                 |

### 2. Các cuộc họp HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT   | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Phí Mạnh Cường    | 10                       | 100%              |                         |
| 2   | Đỗ Vinh Quang     | 10                       | 100%              |                         |
| 3   | Lê Quốc Khánh     | 10                       | 100%              |                         |
| 4   | Nguyễn Trung Kiên | 10                       | 100%              |                         |
| 5   | Ngô Thị Thúy Mai  | 10                       | 100%              |                         |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT năm 2025 như sau:

**\* Phương thức giám sát:**

– HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng những Nghị quyết/Quyết định sau mỗi kỳ họp và/hoặc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản về các nội dung có liên quan để Tổng giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.

– Định kỳ hàng tháng, các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban điều hành và các phòng ban chuyên môn để theo dõi sát sao tình hình sản xuất kinh doanh và kịp thời nắm bắt, trao đổi về những vấn đề phát sinh.

– HĐQT thường xuyên trao đổi, chất vấn các hoạt động của Tổng Giám đốc và các

thành viên Ban điều hành về việc xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng Giám đốc định kỳ hàng tháng báo cáo HĐQT về tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời phối hợp với HĐQT thảo luận, tháo gỡ các khó khăn nhằm đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra.

– HĐQT duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc giám sát và đóng góp ý kiến cho Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và kiểm soát nội bộ của Tổng công ty.

**\* Kết quả giám sát:**

Trong năm 2025, kinh tế Việt Nam duy trì xu hướng phục hồi, với một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cải thiện so với năm trước. Tuy nhiên, môi trường kinh tế quốc tế tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro và bất ổn. Xung đột địa chính trị tại một số khu vực vẫn kéo dài, chính sách tiền tệ thận trọng với mặt bằng lãi suất ở mức cao trong phần lớn thời gian của năm tại Hoa Kỳ và một số nền kinh tế lớn, cùng xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại đã tác động tiêu cực đến dòng vốn đầu tư, chi phí tài chính và hoạt động thương mại toàn cầu.

Đối với ngành gỗ, trong năm 2025, các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn do nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu chủ lực như Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) phục hồi chậm và thiếu bền vững. Thị trường Hoa Kỳ, chiếm trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ của Việt Nam, tiếp tục áp dụng và gia tăng rà soát các biện pháp phòng vệ thương mại, bao gồm thuế chống trợ cấp và thuế chống bán phá giá đối với một số nhóm sản phẩm gỗ, đặc biệt là sản phẩm nội thất. Đồng thời, các yêu cầu ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững và các hàng rào thương mại mới từ EU và một số thị trường khác đã làm gia tăng chi phí tuân thủ, ảnh hưởng đến hiệu quả và tiến độ xuất khẩu của toàn ngành.

Trước bối cảnh đó, HĐQT đã đồng hành cùng Ban điều hành trong việc chỉ đạo các đơn vị thành viên xây dựng và triển khai các giải pháp linh hoạt, kịp thời nhằm phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ giao. Kết quả cho thấy, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã cơ bản hoàn thành tốt vai trò quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng, mục tiêu chiến lược của Tổng công ty.

– Trong quá trình điều hành, Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn tuân thủ đúng phân cấp quản trị theo Điều lệ, các quy chế nội bộ cũng như các Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo của HĐQT.

– Đối với một số nội dung mang tính dài hạn, có độ phức tạp cao, HĐQT đã giao Tổng Giám đốc nghiên cứu và triển khai từng bước, bảo đảm thận trọng và hiệu quả.

Kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ: Tổng công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ đồng thời báo cáo theo đúng quy định.

#### 4. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị hoạt động theo Quy định về tổ chức nhân sự; chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của các Tiểu ban, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

#### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

*Theo Phụ lục 01 đính kèm.*

### III. Ban kiểm soát:

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| STT | Thành viên BKS     | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn     |
|-----|--------------------|------------|--------------------------------|-------------------------|
| 1   | Nguyễn Mạnh Hùng   | Trưởng BKS | 12/08/2016                     | Thạc sĩ quản lý kinh tế |
| 2   | Đào Quốc Hoàn      | TV BKS     | 27/06/2019                     | Cử nhân kinh tế         |
| 3   | Hồ Thị Thanh Huyền | TV BKS     | 20/04/2021                     | Kỹ sư lâm nghiệp        |

#### 2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS     | Số buổi họp /Lấy kiến | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|-----------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Nguyễn Mạnh Hùng   | 13                    | 100%              | 100%             |                         |
| 2   | Đào Quốc Hoàn      | 13                    | 100%              | 100%             |                         |
| 3   | Hồ Thị Thanh Huyền | 13                    | 100%              | 100%             |                         |

#### 3. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty: Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty được ban hành trong năm 2025 trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ, các quy định, quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT Tổng công ty trong năm 2025:

+ Tổ chức và chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Tổng công ty giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại

Tổng công ty giai đoạn 2021-2025.

+ Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện Kết luận Thanh tra số 1452/KL-TTCTP của Thanh tra Chính phủ về việc chấp hành pháp luật trong quản lý và sử dụng đất đai, trong đó có đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh theo chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chỉ đạo xây dựng Đề án văn hóa doanh nghiệp, rà soát các quy chế, quy định, quy trình quản trị nội bộ của Tổng công ty.

+ Chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 và chuyển đổi số trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

+ Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, kiểm soát các đơn vị trực thuộc và người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và chấp hành chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, qui định của Bộ Tài chính và của Tổng công ty.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty;

+ Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động; Tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thành các dự án, công trình đầu tư mới và dở dang; chỉ đạo đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm và phòng chống lãng phí...

Hoạt động của HĐQT Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ Tổng công ty.

- Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của HĐQT, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Tổng công ty.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:**

- Ban kiểm soát luôn phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các Ban nghiệp vụ, các công ty thành viên, cổ đông trong quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các Ban nghiệp vụ đã cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ban kiểm soát để thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định.

- Ban kiểm soát thông báo kịp thời tới HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý về kế hoạch, tình hình và kết quả công tác giám sát của Ban kiểm soát đã thực hiện.

**5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát:**

- Tham gia phối hợp với bộ phận kiểm soát nội bộ Tổng công ty xây dựng kế hoạch giám sát, kiểm tra, kiểm toán nội bộ năm 2025 của Tổng công ty. Đã phối hợp tham gia giám sát, kiểm tra gián tiếp và trực tiếp tại một số đơn vị về tình hình hoạt động, kết quả

sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp theo kế hoạch giám sát, kiểm tra, kiểm toán nội bộ năm 2025 của Tổng công ty.

- Tham gia góp ý xây dựng kế hoạch giám sát tài chính năm 2025 của Tổng công ty.
- Tham gia ý kiến soát xét Báo cáo tài chính 2024 của Tổng công ty đã được kiểm toán.
- Đề xuất trình để Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán và đã phối hợp cùng Tổ đánh giá thực hiện các bước lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2025 của Tổng công ty theo đúng quy định.
- Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản trị nội bộ của Tổng công ty.
- Tham gia ý kiến liên quan đến các khía cạnh kiểm soát, quản trị tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty.
- Phối hợp tham gia ý kiến đối các báo cáo hoạt động của Tổng công ty như: Báo cáo trình đại hội cổ đông, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên,...

#### IV. Ban điều hành:

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn                                 | Ngày bổ nhiệm |
|-----|--------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|---------------|
| 1   | Ông Lê Quốc Khánh        | 08/4/1965           | Cử nhân Tài chính kế toán                           | 01/7/2019     |
| 2   | Ông Nguyễn Trung Kiên    | 04/12/1974          | Cử nhân ngoại ngữ, Thạc sỹ quản lý kinh tế          | 31/10/2016    |
| 3   | Bà Ngô Thị Thúy Mai      | 30/9/1973           | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật           | 31/10/2016    |
| 4   | Ông Vũ Văn Hường         | 03/10/1969          | Cử nhân kinh tế, Kỹ sư Lâm sinh                     | 15/3/2019     |
| 5   | Nguyễn Khương Lâm        | 22/10/1971          | Thạc sỹ Kinh tế, Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng | 15/05/2022    |

#### V. Kế toán trưởng

| Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn                          | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|---------------------|----------------------------------------------|---------------|
| Ông Mai Quý Quảng | 01/8/1984           | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế Toán | 01/12/2019    |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Tổng công ty luôn quan tâm đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn giúp nâng

cao trình độ, kỹ năng và phương pháp, thực hiện chiến lược phát triển Tổng công ty bền vững, đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

**VII. Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty và giao dịch của người có liên quan của Tổng công ty với chính Tổng Công ty**

**1. Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty:** Theo Phụ lục 02 và 02B đính kèm.

**2. Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của Tổng công ty; hoặc giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:** Theo Phụ lục 03 đính kèm.

**3. Giao dịch giữa người nội bộ Tổng công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát:** Không có.

**4. Giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng khác.**

4.1 Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Theo Phụ lục 03 đính kèm.

4.2. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của Tổng công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có.

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:**

**1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:** Theo Phụ lục 04 đính kèm.

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Tổng công ty:** Không có.

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không có.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- Ban Kiểm soát;
- Ban biên tập Website Vinafor;
- B. KTTC, Ban TL-TK;
- B.PC&KSNB, TCNS;
- Lưu VT, ĐTTC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phí Mạnh Cường**

**PHỤ LỤC 1**  
**TỔNG HỢP CÔNG VĂN ĐI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025**

| STT      | SỐ CV             | NGÀY       | NỘI DUNG CÔNG VĂN                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------|-------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>NGHỊ QUYẾT</b> |            |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1        | 13/NQ             | 1/23/2025  | Nghị quyết thông qua kế hoạch SXKD, ĐTPT năm 2025 để giao kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025 cho các đơn vị thành viên, người đại diện vốn                                                                                                                       |
| 2        | 25/NQ             | 2/13/2025  | Nghị quyết họp HĐQT thường kỳ tháng 02/2025 triển khai kế hoạch năm 2025, thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025                                                                                                                          |
| 3        | 56/HĐQT           | 3/26/2025  | Nghị quyết họp HĐQT thường kỳ tháng 03/2025, thông qua chương trình, nội dung họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP và thông qua chủ trương đề Công ty Vijachip Cái lân mua lại Công ty CP CBTMLS Đông Bắc |
| 4        | 98/NQ             | 4/24/2025  | Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025                                                                                                                                                                                                      |
| 5        | 113/NQ            | 5/6/2025   | Nghị quyết v/v triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của TCT Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP                                                                                                                                              |
| 6        | 129/NQ            | 5/16/2025  | Nghị quyết thông qua việc quan hệ tín dụng với NH TMCP Ngoại thương VN - CNHN                                                                                                                                                                             |
| 7        | 132/NQ            | 5/26/2025  | Nghị quyết v/v thông qua việc quan hệ tín dụng với ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Nam Thăng Long                                                                                                                                         |
| 8        | 174/HĐQT          | 6/24/2025  | Nghị quyết v/v thông qua quan hệ tín dụng với ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Ba Đình                                                                                                                                                           |
| 9        | 193/NQ            | 7/11/2025  | Nghị quyết v/v công tác cán bộ tại Cty TNHH MTV LN Đình Lập, Cty TNHH MTV LN La ngã và ban QL&PTR                                                                                                                                                         |
| 10       | 219/NQ            | 04/08/2025 | Nghị quyết V/v họp hội đồng quản trị thường kỳ tháng 8/2025, triển khai Nghị quyết Đại hội đảng bộ Tổng công ty lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2025-2030                                                                                                          |
| 11       | 282/NQ            | 19/09/2025 | Nghị quyết họp HĐQT tháng 9/2025, triển khai xây dựng kế hoạch năm 2026 và kế hoạch 5 năm 2026-2030                                                                                                                                                       |
| 12       | 296/NQ            | 10/27/2025 | Nghị quyết thông qua một số nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi nhà máy chế biến gỗ Vinafor Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                                                                                                                             |
| 13       | 301/NQ            | 11/7/2025  | Nghị quyết về chủ trương tăng vốn điều lệ tại Cty TNHH SX NLG Việt Nhật Cái Lân nhằm mục đích mua lại 100% cổ phần Cty CP chế biến TMLS Đông Bắc                                                                                                          |
| 14       | 315/NQ            | 11/24/2025 | Nghị quyết tìm giải pháp thu hồi lợi ích tại dự án Hà Đông                                                                                                                                                                                                |
| 15       | 319/NQ            | 28/11/2025 | Nghị quyết họp HĐQT tháng 11/2025, thông qua dự kiến kế hoạch SXKD, ĐTPT năm 2026 để xin ý kiến chủ sở hữu                                                                                                                                                |
| 16       | 332/NQ            | 15/12/2025 | Nghị quyết về chủ trương tăng vốn điều lệ tại Công ty CP GLNV Bắc Bộ                                                                                                                                                                                      |
| 17       | 340/NQ            | 15/12/2025 | Nghị quyết công tác cán bộ tại Cty TNHH liên doanh nuôi và phát triển khi VN, Cty CP GLNV Nam Bộ và ban Kế hoạch đầu tư                                                                                                                                   |
| 18       | 354/NQ            | 12/23/2025 | Nghị quyết họp HĐQT tháng 12/2025 và thông qua Chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026                                                                                                                                                         |
| 19       | 364/NQ            | 29/12/2025 | Nghị quyết phê duyệt tang vốn điều lệ giai đoạn 2025-2027 của Cty TNHH MTV LN Đình Lập                                                                                                                                                                    |

TII

|           |                   |            |                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------|-------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20        | 366/NQ            | 30/12/2025 | Nghị quyết về phê duyệt tăng vốn điều lệ giai đoạn 2025-2027 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà - Đồng Nai                                                                                                                                   |
| 21        | 367/NQ            | 30/12/2025 | Nghị quyết về phê duyệt tăng vốn điều lệ giai đoạn 2025-2027 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình                                                                                                                                            |
| 22        | 370/NQ            | 12/31/2025 | Nghị quyết phê duyệt "Đề án văn hóa doanh nghiệp Tổng công ty giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2035"                                                                                                                                                |
| <b>II</b> | <b>Quyết định</b> |            |                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1         | 05/ĐTTC           | 1/14/2025  | Quyết định phê duyệt Bản công bố thông tin, chấp thuận Quy chế bán đấu giá (lần 2) cổ phần của Cty CP VNF Quảng Trị do Tổng công ty sở hữu                                                                                                       |
| 2         | 07/TCNS           | 1/15/2025  | Quyết định tặng thưởng cho các đ/c nguyên lãnh đạo, CBNV cơ quan Tcty đã nghỉ hưu và các cá nhân khác, các tập thể bên ngoài thuộc cơ quan TW có nhiều thành tích đóng góp vào kết quả SXKD năm 2024 và sự ổn định, phát triển chung của Tcty    |
| 3         | 09/TCNS           | 1/17/2025  | Quyết định tặng thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc Tcty được Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn NN tại DN tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác Hệ thống báo cáo quản trị hoạt động của Ủy ban và công tác pháp chế năm 2024 |
| 4         | 14/KTTC           | 1/23/2025  | Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty mẹ Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP                                                                                                             |
| 5         | 17/PC             | 2/4/2025   | Quyết định phê duyệt kế hoạch giám sát, kiểm tra, kiểm toán nội bộ năm 2025 của Tổng công ty                                                                                                                                                     |
| 6         | 19/TCNS           | 2/7/2024   | Quyết định phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Cty TNHH MTV LN Lộc Bình đối với nguồn nhân sự tại chỗ nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031                                                                         |
| 7         | 20/ĐTTC           | 2/7/2025   | Quyết định phê duyệt kế hoạch thoái vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác năm 2025                                                                                                                                               |
| 8         | 23/ĐTTC           | 2/13/2025  | Quyết định phê duyệt Bản công bố thông tin, chấp thuận Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần của Công ty CP Vinafor Quảng Trị do Tổng công ty sở hữu (lần 2)                                                                                       |
| 9         | 26/ĐTTC           | 2/14/2025  | Quyết định lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty                                                                                                                                                |
| 10        | 29/TCNS           | 2/19/2025  | Quyết định thành lập Văn phòng Đảng, Đoàn thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần                                                                                                                                               |
| 11        | 34/TCNS           | 3/5/2025   | Quyết định về việc thành lập lại Hội đồng thẩm định kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, 05 năm của Tổng công ty, các Công ty TNHH MTV, Chi nhánh và Nhóm đại diện theo ủy quyền                                                               |
| 12        | 36/TCNS           | 3/12/2025  | Quyết định V/v thành lập Đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của Nhóm đại diện theo ủy quyền của TCT tại Công ty cổ phần Sản xuất và XNK Lâm sản Sài Gòn                                                         |
| 13        | 44/ĐTTC           | 3/19/2025  | Quyết định V/v phê duyệt giá khởi điểm để chào bán phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại Công ty cổ phần Vinafor Quảng Trị (lần 03)                                                                                                               |
| 14        | 48/TCNS           | 3/21/2025  | Quyết định sáp nhập Đội thiết kế vào phòng lâm nghiệp và Đội lâm nghiệp Tân Lợi vào Đội LN Hợp Tiến thuộc Cty LN Thái Nguyên                                                                                                                     |
| 15        | 50/KTTC           | 3/24/2025  | Quyết định thông qua báo cáo tài chính năm 2024 (8 đơn vị)                                                                                                                                                                                       |
| 16        | 58/TCNS           | 3/27/2025  | Quyết định cử cán bộ tham gia Lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 1, khóa 100                                                                                                                                                |

1.01  
TỔ  
LÂM N  
CÔN  
V  
BÀ

|    |           |           |                                                                                                                                                                                                                 |
|----|-----------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | 62/TCNS   | 4/1/2025  | Quyết định về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần                                                                        |
| 18 | 63/TCNS   | 4/1/2025  | Quyết định cử lại người đại diện theo ủy quyền của TCT lâm nghiệp Việt Nam - CTCP tại Công ty CP Lâm đặc sản mây tre xuất khẩu                                                                                  |
| 19 | 65/ĐTTC   | 4/1/2025  | V/v phê duyệt Bản công bố thông tin, chấp thuận Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần Vinafor Quảng Trị do Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP sở hữu (lần 03)                                    |
| 20 | 66/TCNS   | 4/1/2025  | Quyết định về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của các Công ty TNHH MTV thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam - công ty cổ phần                                                                         |
| 21 | 68/TCNS   | 4/3/2025  | Quyết định V/v thành lập Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần                                                                                    |
| 22 | 69/TCNS   | 4/3/2025  | Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty                                                                                                                |
| 23 | 75/TCNS   | 4/11/2025 | Quyết định v/v phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ Lãnh đạo quản lý chi nhánh TCT Lâm Nghiệp Việt Nam - CTCP - Cty Lâm Nghiệp Hòa bình đối với nhân sự tại chỗ nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-20231 |
| 24 | 76/QL&PTR | 4/14/2025 | Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế, đơn giá dự toán đầu tư các hạng mục lâm sinh kế hoạch năm 2025 tại Cty LN Hòa Bình                                                                                         |
| 25 | 82/TCNS   | 4/15/2025 | Quyết định v/v cử lại người đại diện theo ủy quyền của TCT LN VN - CTCP tại Cty CP SX&XNK Lâm Sản Naforimex Hà Nội                                                                                              |
| 26 | 85/TCNS   | 4/16/2025 | Quyết định v/v cử người đại diện theo ủy quyền của TCT LN VN - CTCP tại CTY CP Kon Hà Nừng                                                                                                                      |
| 27 | 92/TCNS   | 4/21/2025 | Quyết định v/v cử người đại diện theo ủy quyền của TCT LN VN tại cty CP Cẩm Hà                                                                                                                                  |
| 28 | 105/TCNS  | 4/26/2025 | Quyết định v/v cử người đại diện theo ủy quyền của TCT LN VN tại cty CP GLN vùng Nam Trung Bộ                                                                                                                   |
| 29 | 107/TCNS  | 4/26/2025 | Quyết định v/v cử người đại diện theo ủy quyền của TCT LN VN - CTCP tại cty CP XNK Lâm Nông sản Sài Gòn                                                                                                         |
| 30 | 109/TCNS  | 4/29/2025 | Quyết định v/v phê duyệt tiền lương thù lao thực hiện của người quản lý TCT LN VN - CTCP năm 2024                                                                                                               |
| 31 | 116/ĐTTC  | 5/7/2025  | Quyết định v/v trả cổ tức năm 2024 của Tổng công ty Lâm Nghiệp Việt Nam - CTCP                                                                                                                                  |
| 32 | 119/ĐTTC  | 5/9/2025  | Quyết định phê duyệt kế hoạch giám sát tài chính năm 2025 của TCT LN Việt Nam - CTCP                                                                                                                            |
| 33 | 120/ĐTTC  | 5/9/2025  | Quyết định v/v giám sát tài chính đặc biệt đối với công ty CP Vinafor Đà Nẵng                                                                                                                                   |
| 34 | 121/ĐTTC  | 5/9/2025  | Quyết định v/v giám sát tài chính đặc biệt đối với công ty CP Lâm đặc sản và XNK Hà Tĩnh                                                                                                                        |
| 35 | 122/TCNS  | 5/9/2025  | Quyết định về ban hành Quy định về trình tự xử lý kỷ luật lao động đối với CBNV Tổng công ty LNVN - CTCP                                                                                                        |
| 36 | 124/TCNS  | 5/12/2025 | Quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Trung Quốc)                                                                                                                                                        |
| 37 | 126/TCNS  | 5/12/2025 | Quyết định v/v thành lập Hội đồng xét duyệt phim tài liệu kỷ niệm 30 năm thành lập TCT LNVN - CTCP                                                                                                              |
| 38 | 130/ĐTTC  | 5/16/2025 | Quyết định v/v phê duyệt ban công bố thông tin, chấp thuận quy chế chào cạnh tranh cổ phần cty CP Vinafor Quảng Trị                                                                                             |
| 39 | 133/KTTC  | 5/26/2025 | Quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2024 tại công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ba Tơ                                                                                                                         |

110  
CỘNG HÒA  
HIỆP  
TY C  
10  
LƯNG

|    |            |            |                                                                                                                                                                                                  |
|----|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 40 | 134/KTTC   | 5/26/2025  | Quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2024 tại công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp La Ngà                                                                                                         |
| 41 | 135/KTTC   | 5/26/2025  | Quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2024 tại Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đình Lập                                                                                                       |
| 42 | 136/KTTC   | 5/26/2025  | Quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2024 tại Công ty                                                                                                                                    |
| 43 | 143/TCNS   | 6/3/2025   | Quyết định v/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài (dự kiến từ ngày 23/6/2025 đến ngày 29/6/2025)                                                                                                   |
| 44 | 147/TCNS   | 6/5/2025   | Quyết định v/v cử lại người đại diện theo UQ của TCT Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP tại Cty CP Lâm nghiệp 19                                                                                         |
| 45 | 151/KHĐT   | 06/06/2025 | Quyết định về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành- Công trình: Mua sắm Hệ thống hội nghị truyền hình tại Văn phòng Tổng công ty, các đơn vị lâm nghiệp và một số công ty giống lâm nghiệp |
| 46 | 158/TCNS   | 6/16/2025  | Quyết định v/v phê duyệt kết quả rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ Lãnh đạo, quản lý công ty CP Vinafor Đà Nẵng đối với nguồn nhân sự tại chỗ nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2021            |
| 47 | 162/TCNS   | 6/19/2025  | Quyết định v/v cử người đại diện theo ủy quyền của TCT LN VN - CTCP tại cty CP GLN vùng Bắc Bộ                                                                                                   |
| 48 | 171/TCNS   | 6/24/2025  | Quyết định v/v đề cán bộ thôi kiêm giữ chức kiểm soát viên công ty TNHH MTV LN Đình Lập                                                                                                          |
| 49 | 172/TCNS   | 6/24/2025  | Quyết định v/v đề cán bộ thôi kiêm giữ chức kiểm soát viên công ty TNHH MTV LN Lộc Bình                                                                                                          |
| 50 | 176/TCNS   | 6/25/2025  | Quyết định v/v bổ nhiệm bà Tạ Thu Trang chuyên viên Ban KTTC TTC kiêm giữ chức Kiểm soát viên công ty TNHH MTV LN Đình Lập                                                                       |
| 51 | 177/TCNS   | 6/25/2025  | Quyết định v/v bổ nhiệm bà Tạ Thu Trang chuyên viên Ban KTTC TTC kiêm giữ chức Kiểm soát viên công ty TNHH MTV LN Lộc Bình                                                                       |
| 52 | 194/TCNS   | 7/14/2025  | Quyết định v/v đề cán bộ thôi giữ chức Giám đốc công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập Ông Nguyễn Trung Thắng (Từ 15/7/2025)                                                                       |
| 53 | 195/TCNS   | 7/14/2025  | Quyết định v/v đề cán bộ thôi giữ chức Chủ tịch HĐTV công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà Ông Nguyễn Khương Lâm (Từ 15/7/2025)                                                                     |
| 54 | 196/TCNS   | 7/14/2025  | Quyết định v/v điều động và bổ nhiệm ông Trần Văn Tùng giữ chức giám đốc công ty TNHH MTV LN Đình Lập từ ngày 15/7/2025                                                                          |
| 55 | 197/TCNS   | 7/14/2025  | Quyết định của chủ sở hữu v/v thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh                                                                                                                               |
| 56 | 199/TCNS   | 7/14/2025  | Quyết định v/v đề cán bộ thôi giữ chức Giám đốc, bổ nhiệm giữ chức CT HĐTV công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà (Từ 15/7/2025)                                                                     |
| 57 | 200/TCNS   | 7/14/2025  | Quyết định v/v điều động và bổ nhiệm ông Ngô Văn Tú giữ chức Trưởng Ban QL&PTR TCT từ 15/7/2025                                                                                                  |
| 58 | 201/TCNS   | 7/14/2025  | Quyết định v/v bổ nhiệm cán bộ Ông Nguyễn Mạnh Cường TV HĐTV giám đốc Cty TNHH MTV LN La Ngà                                                                                                     |
| 59 | 202/TCNS   | 7/14/2025  | Quyết định của chủ sở hữu v/v thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh                                                                                                                               |
| 60 | 207/QL&PTR | 7/18/2025  | Quyết định v/v phê duyệt đơn giá đầu tư điều chỉnh chăm sóc, bảo vệ rừng năm 2, năm 7 của các công thức tạo rừng năm 1 mô hình khoán, kế hoạch 2025 tại cty Lâm nghiệp Hòa Bình                  |

012  
GTY  
ÉT N  
PH  
-TP

|    |                    |            |                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 61 | 208//TCNS          | 7/18/2025  | Quyết định v/v phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch cán bộ LĐ quản lý công ty CP Cẩm Hà đối với nguồn nhân sự tại chỗ nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031                                                        |
| 62 | 209/TCNS           | 7/22/2025  | Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch cán bộ Lãnh đạo, quản lý chi nhánh TCT LN VN - CTCP Cty LN Hà Tĩnh đối với nguồn nhân sự tại chỗ nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031                                         |
| 63 | 215/TCNS           | 8/4/2025   | Quyết định khen thưởng nhóm đại diện/người quản lý/người đại diện TUQ có thành tích trong công tác quản lý vốn năm 2024                                                                                              |
| 64 | 216/TCNS           | 8/4/2025   | Quyết định vinh danh và chỉ thưởng cho các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong công tác giai đoạn 2020-2025                                                                                                   |
| 65 | 220...260/<br>TCNS | 04/08/2025 | Quyết định V/v xếp loại người quản lý, người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại doanh nghiệp năm 2024                                                                                                       |
| 66 | 267/KD             | 29/08/2025 | Quyết định ban hành Quy chế Hoạt động kinh doanh tại Cơ quan Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần                                                                                                      |
| 67 | 270/ĐTTC           | 04/09/2025 | Quyết định phê duyệt giá khởi điểm chào bán (lần 02) phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại Cty CP Vinafor Tây Nguyên                                                                                                  |
| 68 | 274/QL&PTR         | 09/09/2025 | Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư trồng thí điểm cây Mắc ca giai đoạn 2024-2063 tại Công ty MDF VNF Gia Lai                                                                                      |
| 69 | 276/TCNS           | 12/09/2025 | Quyết định phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Cty TNHH MTV LN Đông Bắc đối với nguồn nhân sự tại chỗ nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031                                     |
| 70 | 277/KHĐT           | 9/15/2025  | Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán dự án Cải tạo, mở rộng vườn ươm và nuôi cấy mô. Địa điểm: Tổ 7, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ                                               |
| 71 | 283/TCNS           | 24/09/2025 | Quyết định cử người đại diện TUQ của Tổng công ty tại Cty TNHH MTV LN La Ngà - Đồng Nai                                                                                                                              |
| 72 | 284/ĐTTC           | 30/09/2025 | Quyết định phê duyệt Bản công bố thông tin, Quy chế đấu giá (lần 2) phần vốn của Tổng công ty tại Cty CP VNF Tây Nguyên                                                                                              |
| 73 | 286/ĐTTC           | 03/10/2025 | Quyết định phê duyệt giá khởi điểm, phương án chuyển nhượng phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại Cty CP GLN Trung ương                                                                                               |
| 74 | 288/TCNS           | 06/10/2025 | Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người lao động và Ban điều hành; Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên Tổng công ty năm 2025                                                                 |
| 75 | 290/QL&PTR         | 10/10/2025 | Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư trồng rừng sản xuất bằng các loài cây dó bầu, quế, trám đen, trâu tại Cty LN Hòa Bình giai đoạn 2025-2059                                                                          |
| 76 | 293/ĐTTC           | 16/10/2025 | Quyết định phê duyệt Bản công bố thông tin, chấp thuận Quy chế đấu giá phần vốn của Tổng công ty tại Cty CP GLN Trung ương                                                                                           |
| 77 | 294/ĐTTC           | 23/10/2025 | Quyết định phê duyệt Bản công bố thông tin, chấp thuận Quy chế chào bán cạnh tranh (lần 02) phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại Cty CP VNF Tây Nguyên                                                               |
| 78 | 295/TCNS           | 23/10/2025 | Quyết định thành lập Hội đồng bán thanh lý tài sản                                                                                                                                                                   |
| 79 | 297/TCNS           | 31/10/2025 | Quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài đối với ông Lê Quốc Khánh - Thời gian: dự kiến từ ngày 09/11/2025 đến hết ngày 13/11/2025 - Địa điểm: Bhutan (Tham gia chương trình Đoàn công tác của CTCP Tập đoàn T&T) |

A MỘT

111

|    |            |            |                                                                                                                                                                       |
|----|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 80 | 307/ĐTTC   | 20/11/2025 | Quyết định phê duyệt giá khởi điểm, phương án chuyển nhượng phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại Cty CP TMCN và chế biến gỗ                                           |
| 81 | 310/QL&PTR | 21/11/2025 | Quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng phát triển rừng sản xuất tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập giai đoạn 2017-2025                           |
| 82 | 317/TCNS   | 28/11/2025 | Quyết định V/v thành lập Cụm thi cụm thi đua đối với các đơn vị thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam công ty cổ phần                                                |
| 83 | 320/TCNS   | 01/12/2025 | Quyết định cử cán bộ đi công tác tại nước ngoài (Đ/c Nguyễn Khương Lâm - PTGD và đ/c Ngô Văn Tú - Trưởng ban QL&PTR)                                                  |
| 84 | 322/QL&PTR | 03/12/2025 | Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư xây dựng phát triển rừng sản xuất tại Cty TNHH MTV LN Lộc Bình giai đoạn 2017-2050                              |
| 85 | 329/QL&PTR | 12/10/2025 | Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án Đầu tư xây dựng và phát triển rừng tại Cty TNHH MTV LN La Ngà giai đoạn 2016-2038                                      |
| 86 | 334/TCNS   | 15/12/2025 | Quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài đối với ông Phí Mạnh Cường - Thời gian: từ ngày 16/12/2025 đến hết ngày 20/12/2025                                        |
| 87 | 341/TCNS   | 15/12/2025 | Quyết định thay thế người đại diện TUQ của Tổng công ty tham gia HĐTV và giữ chức Phó Chủ tịch HĐTV, Giám đốc Công ty TNHH liên doanh nuôi và phát triển khi VN       |
| 88 | 345/TCNS   | 15/12/2025 | Quyết định cử người đại diện TUQ của Tổng công ty tại Cty CP GLNV Nam Bộ                                                                                              |
| 89 | 347/TCNS   | 15/12/2025 | Quyết định đề cử cán bộ thôi giữ chức Trưởng ban Kế hoạch đầu tư đối với ông Nguyễn Ngọc Tuấn kể từ ngày 01/01/2026                                                   |
| 90 | 348/TCNS   | 15/12/2025 | Quyết định điều động và bổ nhiệm cán bộ đối với ông Phạm Xuân Thịnh thôi giữ chức Trưởng ban TLTK HĐQT để giữ chức Trưởng ban KHĐT Tổng công ty kể từ ngày 01/01/2026 |
| 91 | 350/ĐTTC   | 17/12/2025 | Quyết định phê duyệt Bản công bố thông tin, chấp thuận Quy chế đấu giá phần vốn của Tổng công ty tại CTCP Thương mại công nghiệp và chế biến gỗ                       |
| 92 | 351/TCNS   | 23/12/2025 | Quyết định đề cử cán bộ thôi là người đại diện TUQ của Tổng công ty tại Cty CP VNF Tây Nguyên                                                                         |
| 93 | 360/TCNS   | 12/29/2025 | Quyết định tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2025                                                                        |
| 94 | 361/TCNS   | 12/29/2025 | Quyết định tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2026                                                                                                             |
| 95 | 362/TCNS   | 12/29/2025 | Quyết định tặng thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích về ứng dụng KHKT trong công tác trồng và chăm sóc rừng cây mắc ca năm 2025                              |
| 96 | 371/VP     | 12/31/2025 | Quyết định phê duyệt và ban hành "Đề án văn hóa doanh nghiệp giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2035"                                                                      |

111

**PHỤ LỤC 02**

**A. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY**

| STT      | Tên tổ chức/cá nhân      | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại công ty    | Số Giấy NSH, | Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty |
|----------|--------------------------|---------------------------------|------------------------|--------------|-----------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Hội đồng quản trị</b> |                                 |                        |              |                 |                                         |                                           |       |                                        |
| 1.1      | Phí Mạnh Cường           |                                 | Chủ tịch HĐQT          |              |                 | 12/08/2016                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| 1.2      | Đỗ Vinh Quang            |                                 | Phó Chủ tịch HĐQT      |              |                 | 28/06/2024                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| 1.3      | Lê Quốc Khánh            |                                 | TV HĐQT, Tổng Giám đốc |              |                 | 12/08/2016                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| 1.4      | Nguyễn Trung Kiên        |                                 | TV HĐQT, Phó TGD       |              |                 | 31/10/2016                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| 1.5      | Ngô Thị Thúy Mai         |                                 | TV HĐQT, Phó TGD       |              |                 | 28/06/2024                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| <b>2</b> | <b>Ban Kiểm soát</b>     |                                 |                        |              |                 |                                         |                                           |       |                                        |
| 2.1      | Nguyễn Mạnh Hùng         |                                 | Trưởng BKS             |              |                 | 12/08/2016                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| 2.2      | Đào Quốc Hoàn            |                                 | Thành viên BKS         |              |                 | 27/06/2019                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| 2.3      | Hồ Thị Thanh Huyền       |                                 | Thành viên BKS         |              |                 | 20/04/2021                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| <b>3</b> | <b>Ban Tổng Giám đốc</b> |                                 |                        |              |                 |                                         |                                           |       |                                        |
| 3.1      | Lê Quốc Khánh            |                                 | TV HĐQT, Tổng Giám đốc |              |                 | 12/08/2016                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| 3.2      | Nguyễn Trung Kiên        |                                 | TV HĐQT, Phó TGD       |              |                 | 31/10/2016                              |                                           |       | Người nội bộ                           |
| 3.3      | Ngô Thị Thúy Mai         |                                 | TV HĐQT, Phó TGD       |              |                 | 31/10/2016                              |                                           |       | Người nội bộ                           |



*Handwritten signature/initials.*

|     |                              |  |                              |  |  |            |  |  |              |
|-----|------------------------------|--|------------------------------|--|--|------------|--|--|--------------|
| 3.4 | Vũ Văn Hường                 |  | Phó Tổng giám đốc            |  |  | 15/03/2019 |  |  | Người nội bộ |
| 3.5 | Nguyễn Khương Lâm            |  | Phó Tổng giám đốc            |  |  | 15/05/2021 |  |  | Người nội bộ |
| 4   | Kế toán trưởng               |  |                              |  |  |            |  |  |              |
| 4.1 | Mai Quý Quảng                |  | Kế toán trưởng               |  |  | 01/12/2019 |  |  | Người nội bộ |
| 5   | Người phụ trách quản trị TCT |  |                              |  |  |            |  |  |              |
| 5.1 | Nguyễn Quang Minh            |  | Người phụ trách quản trị TCT |  |  | 15/07/2024 |  |  | Người nội bộ |

*[Handwritten signature]*



**PHỤ LỤC 2B**  
**DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN**

| TT        | Tên công ty                                           | Địa chỉ                                                          | Giấy CNDKKD |
|-----------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>I</b>  | <b>TỔ CHỨC LÀ CỔ ĐÔNG LỚN</b>                         |                                                                  |             |
| 1         | Bộ Tài chính                                          | Số 6, Bà Huyện Thanh Quan, Hà Nội                                |             |
| 2         | Công ty cổ phần Tập đoàn T&T                          | Số 31-33 Ngô Quyền, TP. Hà Nội                                   | 0100233223  |
| <b>II</b> | <b>TỔ CHỨC CÓ VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY</b>            |                                                                  |             |
| 1         | Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ba Tơ                     | Km 27, Quốc lộ 24, xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi                     | 4300271103  |
| 2         | Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp La Ngà – Đồng Nai         | Tổ 6, ấp Hoà Trung, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai                  | 3600251307  |
| 3         | Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đông Bắc                  | Số 58, đường Xương Giang, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn             | 2400120030  |
| 4         | Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Lộc Bình                  | Số 6 Khu Chộc Vằng, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                   | 4900105789  |
| 5         | Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đình Lập                  | Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn                          | 4900142195  |
| 6         | Công ty TNHH MTV Ván dán Vinafor Bắc Giang            | Lô B (B3) Khu công nghiệp Quang Châu, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh | 2400643714  |
| 7         | Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất      | Thôn Bình An Nội, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi                   | 4300726262  |
| 8         | Công ty TNHH MTV Hợp tác lao động và Dịch vụ Vinafor  | Km 11,5 đường Ngọc Hồi, xã Thanh Trì, TP. Hà Nội                 | 0109474872  |
| 9         | Công ty Cổ phần Cẩm Hà                                | Số 448 Hùng Vương, Phường Hội An Tây, TP. Đà Nẵng                | 4000101407  |
| 10        | Công ty cổ phần Long Bình                             | Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai      | 3600251748  |
| 11        | Công ty CP Lâm đặc sản và Xuất nhập khẩu Hà Tĩnh      | Số nhà 204, Nguyễn Nghiễm, Khối 9, Xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh    | 3000171057  |
| 12        | Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn | Số 64 Trương Định, phường Xuân Hòa, TP. HCM                      | 0300635522  |
| 13        | Công ty CP Vinafor Đà Nẵng                            | Số 1081 Ngô Quyền, phường An Hải, TP. Đà Nẵng                    | 0400422373  |
| 14        | Công ty CP Giống Lâm nghiệp Vùng Bắc Bộ               | Khu 1, xã Trạm Thán, tỉnh Phú Thọ                                | 2600381209  |
| 15        | Công ty CP Giống lâm nghiệp Vùng Đông Bắc             | Số 378, Trần Quang Khải, Phường Lương Văn Tri, TP. Lạng Sơn      | 4900256386  |
| 16        | Công ty CP Giống lâm nghiệp Vùng Bắc Trung Bộ         | Thôn Dinh Lễ, xã Bố Trạch, tỉnh Quảng Trị                        | 3100381555  |
| 17        | Công ty CP Giống Lâm nghiệp Vùng Nam Trung Bộ         | Tổ 49, khu vực 5, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai              | 4100649740  |
| 18        | Công ty CP Giống lâm nghiệp Vùng Tây Nguyên           | Số 60 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng        | 5800533831  |
| 19        | Công ty CP Giống Lâm nghiệp Vùng Nam Bộ               | Số 06 Nguyễn Thành Ý, Phường Tân Định, TP Hồ Chí Minh.           | 0304977171  |
| 20        | Công ty CP 19/5 Đoàn Hùng                             | Khu hành chính Thọ Sơn, Xã Đoàn Hùng, Tỉnh Phú Thọ               | 2600248623  |
| 21        | Công ty CP Cờ đỏ                                      | Thôn Sông Công, Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội                   | 0101328340  |



|    |                                                                |                                                                                                |              |
|----|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 22 | Công ty CP Gỗ lạng Buôn Ma Thuột                               | Số 131 đường Phan Huy Chú , Phường Thành Nhất, Tỉnh Đắk Lắk                                    | 6000449861   |
| 23 | Công ty CP Kon Hà Nừng                                         | 04 Võ Thị Sáu, xã Kbang, tỉnh Gia Lai                                                          | 3903000049   |
| 24 | Công ty CP Lâm đặc sản mây tre Xuất khẩu                       | 14 Chương Dương Độ, Phường Hồng Hà, Thành Phố Hà Nội                                           | 0100101883   |
| 25 | Công ty CP lâm nghiệp 19                                       | Km 74, Quốc lộ 19, Xã Cừu An, tỉnh Gia Lai                                                     | 4100258994   |
| 26 | Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Naforimex Hà Nội | Số 19 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội                                               | 0103009012   |
| 27 | Công ty CP Thương mại Lâm sản Hà Nội                           | Tầng 12, Toà nhà số 1, phố Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội                                            | 0100853241   |
| 28 | Công ty CP Xuất nhập khẩu Lâm nông sản Sài Gòn                 | Số 647 Quang Trung, phường Thông Tây Hội, HCM                                                  | 0300644245   |
| 29 | Công ty CP Xây lắp Đầu tư phát triển Nông lâm nghiệp Việt Nam  | Km 12, Quốc lộ 1A, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội                                              | 0100103471   |
| 30 | Công ty CP Thương mại công nghiệp và chế biến gỗ               | Km 11+500, đường Ngọc Hồi, xã Thanh Trì, TP Hà Nội                                             | 0100103094   |
| 31 | Công ty Liên doanh Nuôi và Phát triển khi Việt Nam             | Tổ 3, Khu phố Long Khánh 3, P. Tam Phước, Tỉnh Đồng Nai                                        | 471023000078 |
| 32 | Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật               | Đường vào Mỏ đá Hòa Nhơn, xã Bà Nà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                                | 321022000063 |
| 33 | Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn                         | Đường số 10, Khu công nghiệp Phú Tài, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai                            | 4100259155   |
| 34 | Công ty TNHH SX nguyên liệu giấy Việt Nhật Cái Lân             | Số 01 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh                                          | 222022000028 |
| 35 | Công ty TNHH SX nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng            | Khu hành chính - dịch vụ, Khu công nghiệp và cảng biển Vũng Áng, Phường Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh | 282022000002 |
| 36 | Công ty TNHH Việt Thành Thái                                   | 05 thành Thái, phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh                                               | 4102070442   |
| 37 | Công ty TNHH YAMAHA MOTOR Việt Nam                             | Xã Trung Giã, TP. Hà Nội                                                                       | 011022000179 |
| 38 | Công ty CP Cơ khí Lâm nghiệp Sài Gòn                           | 7/1 Thành Thái, Phường Diên Hồng, Tp. Hồ Chí Minh                                              | 0300634374   |
| 39 | Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico Huế          | Thôn Phú Gia, xã Chân Mây- Lăng Cô, TP Huế                                                     | 3103000086   |
| 40 | Công ty CP Vinafor Quảng Trị                                   | Km3, Quốc Lộ 9, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị                                                 | 533585680    |
| 41 | Công ty CP Archi Reenco Hòa Bình                               | Tầng 2 tòa nhà 21B5 KĐT Green Star, 234 Phạm Văn Đồng, , Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 5400277171   |
| 42 | Công ty CP Lâm nghiệp Miền Đông                                | 326 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh                                      | 0301215721   |
| 43 | Công ty TNHH Năng lượng tái tạo Uni - Vinafor Châu Đức         | Lô C, Đường Đ.01, Khu Công nghiệp Châu Đức, Xã Ngãi Giao, TP.Hồ Chí Minh                       | 3502475651   |
| 44 | Công ty CP Vinafor Tây Nguyên (*)                              | Số 30 Nguyễn Thái Học, Phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk                                            | 6001327746   |
| 45 | Công ty CP Giống Lâm nghiệp Trung Ương (*)                     | 204 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Hà Nội                                                       | 0100102566   |

(\*) Lưu ý: Trong năm 2025, Tổng công ty đã thoái thành công toàn bộ vốn đầu tư 2 Công ty: Công ty CP giống Lâm nghiệp Trung Ương và Công ty CP Vinafor Tây Nguyên

*Ch*

**PHỤ LỤC 3**  
**GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/CÓ ĐÔNG LỚN/**  
**NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                              | Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định thông qua | Nội dung giao dịch                                                                                   | Tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|
| 1   | Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ba Tơ                | Công ty con                            | 4300271103                         | Km27 Quốc lộ 24, xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi           | T1,5,9,10,12/2025               |                                     | Hỗ trợ hộ dân, lao động trồng rừng, người lao động các ngày lễ; tặng thưởng; hỗ trợ ngày hội văn hóa | 406.500.400            |         |
| 2   | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà - Đồng Nai    | Công ty con                            | 3600251307                         | Tổ 6, ấp Hòa Trung, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai      | T1,6,9,10,12/2025               |                                     | Hỗ trợ hộ dân, lao động trồng rừng, người lao động các ngày lễ; tặng thưởng; hỗ trợ ngày hội văn hóa | 688.462.000            |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T4,5,12/2025                    |                                     | Nhận trả tiền gốc, lãi vay                                                                           | 32.922.268.120         |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T3,6,9,12/2025                  |                                     | Phải thu lãi vay                                                                                     | 1.219.214.886          |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T12/2025                        |                                     | Giải ngân tăng vốn điều lệ                                                                           | 34.722.453.057         |         |
| 3   | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đồng Bắc             | Công ty con                            | 2400120030                         | Số 58 đường Xương Giang, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn  | T1,5,9,10,12/2025               |                                     | Hỗ trợ hộ dân, lao động trồng rừng, người lao động các ngày lễ; tặng thưởng; hỗ trợ ngày hội văn hóa | 514.589.126            |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | 23-1-2025                       |                                     | Thanh toán tiền thiết kế khai thác năm 2024                                                          | 133.320.324            |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T2,4,6,9/2025                   |                                     | Mua cây giống                                                                                        | 727.716.000            |         |
| 4   | Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Lộc Bình             | Công ty con                            | 4900105789                         | Số 6, khu Chộc Vàng, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn      | T1,5,9,10,12/2025               |                                     | Hỗ trợ hộ dân, lao động trồng rừng, người lao động các ngày lễ; tặng thưởng; hỗ trợ ngày hội văn hóa | 298.116.270            |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T8,11,12/2025                   |                                     | Nhận trả tiền gốc, lãi vay                                                                           | 56.448.592.541         |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T3,6,9,12/2025                  |                                     | Phải thu lãi vay                                                                                     | 2.557.953.523          |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T4,9,12/2025                    |                                     | Doanh thu thiết kế khai thác                                                                         | 896.600.231            |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T8,12/2025                      |                                     | Doanh thu nhà nghỉ                                                                                   | 65.629.629             |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T12/2025                        |                                     | Giải ngân tăng vốn điều lệ                                                                           | 31.150.000.000         |         |
| 5   | Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đình Lập             | Công ty con                            | 4900142195                         | Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn              | T1,5,9,10,12/2025               |                                     | Hỗ trợ hộ dân, lao động trồng rừng, người lao động các ngày lễ; tặng thưởng; hỗ trợ ngày hội văn hóa | 217.628.000            |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T8,11,12/2025                   |                                     | Nhận trả tiền gốc, lãi vay                                                                           | 45.008.719.470         |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T3,6,9,12/2025                  |                                     | Phải thu lãi vay                                                                                     | 1.661.387.309          |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T12/2025                        |                                     | Doanh thu nhà nghỉ                                                                                   | 25.888.889             |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T12/2025                        |                                     | Giải ngân tăng vốn điều lệ                                                                           | 46.300.000.000         |         |
| 6   | Công ty TNHH MTV Ván dán Vinafor Bắc Giang       | Công ty con                            | 2400643714                         | Lô B(B3), KCN Quang Châu, Phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh | T1,5,9,10,12/2025               |                                     | Hỗ trợ người lao động                                                                                | 13.000.000             |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T6,8,10,12/2025                 |                                     | Nhận trả tiền gốc vay                                                                                | 30.000.000.000         |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T3,6,9,12/2025                  |                                     | Phải thu lãi vay                                                                                     | 2.467.723.289          |         |
| 7   | Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất | Công ty con                            | 4300726262                         | Thôn Bình An Nội, Xã Bình Chánh, Tỉnh Quảng Ngãi     | T6,7/2025                       |                                     | Nhận trả tiền gốc vay                                                                                | 3.450.000.000          |         |
|     |                                                  |                                        |                                    |                                                      | T3,6,9,12/2025                  |                                     | Phải thu lãi vay                                                                                     | 379.356.165            |         |



ng

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                  | Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                             | Thời điểm giao dịch với công ty                                       | Số Nghị quyết/ Quyết định thông qua | Nội dung giao dịch                                                                                                                                     | Tổng giá trị giao dịch                                                    | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|
| 8   | Công ty TNHH MTV Hợp tác lao động và dịch vụ Vinafor | Công ty con                            | 0109474872                         | Km 11,5 xã Thanh Trì, Hà Nội                                      | T1,5,9,10,12/2025<br>T3,6/2025<br>T12/2025<br>T1,6/2025               |                                     | Hỗ trợ người lao động<br>Thuế dịch vụ quản lý thực tập sinh tại Nhật<br>Doanh thu hợp tác kinh doanh<br>Thu tiền điện                                  | 85.400.000<br>108.991.140<br>370.034.880<br>19.819.825                    |         |
| 9   | Công ty CP Cẩm Hà                                    | Công ty con                            | 4000101407                         | 448 Hùng Vương - Phường Hồi An Tây, TP. Đà Nẵng                   | T1,5,9,10,12/2025                                                     |                                     | Hỗ trợ người lao động                                                                                                                                  | 1.736.336.000                                                             |         |
| 10  | Công ty CP Long Bình                                 | Công ty con                            | 3600251748                         | KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai            | T1,5,9,10,12/2025<br>T5/2025                                          |                                     | Hỗ trợ người lao động<br>Doanh thu bán gỗ                                                                                                              | 94.630.000<br>2.757.038.612                                               |         |
| 11  | Công ty CP Lâm đặc sản và Xuất nhập khẩu Hà Tĩnh     | Công ty con                            | 3000171057                         | Số nhà 204, Nguyễn Nghiễm, Khố 9, Xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh      | T1-12/2025<br>T1-12/2025<br>T3/2025                                   |                                     | Mua văn ép<br>Trả tiền mua văn ép<br>Nhận tiền bán văn ép                                                                                              | 7.243.422.369<br>9.535.611.316<br>168.946.722                             |         |
| 12  | Công ty CP Vinafor Sài Gòn                           | Công ty con                            | 0300635522                         | Số 64 Trương Định, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh               | T1,5,9,10,12/2025                                                     |                                     | Hỗ trợ người lao động, ngày hội văn hóa                                                                                                                | 996.920.000                                                               |         |
| 13  | Công ty CP Vinafor Đà Nẵng                           | Công ty con                            | 0400422373                         | Số 1081 Ngô Quyền, phường An Hải, TP. Đà Nẵng                     | T1,5,9,10,12/2025                                                     |                                     | Phí dịch vụ kho bãi                                                                                                                                    | 264.000.000                                                               |         |
| 14  | Công ty CP Vinafor Tây Nguyên                        | Công ty con                            | 6001327746                         | Số 30 Nguyễn Thái Học, phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk               | T1,5,9,10,12/2025<br>T12/2025                                         |                                     | Hỗ trợ người lao động<br>Nhân trả tiền gốc vay                                                                                                         | 16.000.000<br>421.472.158                                                 |         |
| 15  | Công ty CP Giồng Lâm nghiệp Vùng Bắc Bộ              | Công ty con                            | 2600381209                         | Khu 1, xã Tràm Tràm, Phú Thọ                                      | T1,5,9,10,12/2025<br>T3,6,7/2025<br>T3,6/2025<br>T10/2025<br>T12/2025 |                                     | Hỗ trợ người lao động, ngày hội văn hóa,<br>Mua cây giống<br>Doanh thu bán cây giống<br>Tam ứng tiền nghiên cứu khoa học<br>Mua cổ phần phát hành thêm | 566.100.000<br>985.826.000<br>551.050.500<br>970.448.648<br>7.745.810.000 |         |
| 16  | Công ty CP Giồng Lâm nghiệp Vùng Đông Bắc            | Công ty con                            | 4900256386                         | Số 378, đường Trần Quang Khải, phường Lương Văn Tỉ, tỉnh Lạng Sơn | T1,5,9,10,12/2025<br>24-1-2025<br>T3,6,9,12/2025                      |                                     | Hỗ trợ người lao động<br>Mua quả tăng<br>Phái thu lãi vay                                                                                              | 71.000.000<br>405.890.909<br>145.499.998                                  |         |
| 17  | Công ty CP Giồng Lâm nghiệp Vùng Bắc Trung Bộ        | Công ty con                            | 3100381555                         | Thôn Đình Lễ, xã Bồ Trạch, Quảng Trị                              | T1,5,9,10,12/2025                                                     |                                     | Hỗ trợ người lao động                                                                                                                                  | 78.000.000                                                                |         |
| 18  | Công ty CP Giồng Lâm nghiệp Vùng Nam Trung Bộ        | Công ty con                            | 4100649740                         | Tổ 49 KV5 P. Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                           | T1,2,4,10/2025                                                        |                                     | Mua cây giống                                                                                                                                          | 93.600.000                                                                |         |
| 19  | Công ty CP Giồng Lâm nghiệp Vùng Tây Nguyên          | Công ty con                            | 5800533831                         | 60 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng            | T1,5,9,10,12/2025                                                     |                                     | Hỗ trợ người lao động                                                                                                                                  | 17.500.000                                                                |         |
| 20  | Công ty CP Giồng Lâm nghiệp vùng Nam Bộ              | Công ty con                            | 0304977171                         | 06 Nguyễn Thành ý - Phường Khánh Hội - TP. Hồ Chí Minh            | T1,5,9,10,12/2025<br>T4/2025                                          |                                     | Hỗ trợ người lao động<br>Mua cây giống                                                                                                                 | 839.148.400<br>237.500.000                                                |         |
| 21  | Công ty CP Kcon Hà Nùng                              | Công ty liên kết                       | 3903000049                         | Thị trấn Khang, xã Khang, Tỉnh Gia Lai                            | T3,7,12/2025                                                          |                                     | Phụ thiết kế khai thác                                                                                                                                 | 548.900.660                                                               |         |

1192

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                                 | Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                  | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định thông qua | Nội dung giao dịch                   | Tổng giá trị giao dịch | Ghi chú                                                                                                                 |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 22  | Công ty cổ phần gỗ lạng Buôn Ma Thuật                               | Công ty liên kết                       | 6000449861                         | Số 131 đường Phan Huy Chú, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk | T1-12/2025                      |                                     | Doanh thu bán hàng                   | 10.404.886.979         |                                                                                                                         |
| 23  | Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật                    | Công ty liên kết                       | 321022000063                       | Đường vào mỏ đá Hòa Nhơn, xã Bà Nà, TP.Đà Nẵng         | T1-12/2025                      |                                     | Doanh thu bán hàng                   | 62.530.819.150         |                                                                                                                         |
|     |                                                                     |                                        |                                    |                                                        | T3/2025                         |                                     | Nhận tiền phí quản lý nội bộ 2024    | 818.132.400            |                                                                                                                         |
|     |                                                                     |                                        |                                    |                                                        | T12/2025                        |                                     | Phí quản lý nội bộ 2025              | 782.310.000            |                                                                                                                         |
| 24  | Công ty TNHH sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Cái Lân            | Công ty liên kết                       | 222022000028                       | Số 1, Đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh  | T6,12/2025                      |                                     | Doanh thu phí quản lý nội bộ         | 2.076.140.000          | Ông Nguyễn Trung Kiên (TV HĐQT) là TV HĐQT                                                                              |
|     |                                                                     |                                        |                                    |                                                        |                                 |                                     | Giải ngân tăng vốn điều lệ           | 121.495.500.000        |                                                                                                                         |
| 25  | Công ty TNHH sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng           | Công ty liên kết                       | 282022000002                       | Xã Kỳ Lợi- Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh                        | T1-12/2025                      |                                     | Doanh thu bán hàng                   | 429.153.489.413        |                                                                                                                         |
|     |                                                                     |                                        |                                    |                                                        | T1-6/2025                       |                                     | Thu tiền bán hàng                    | 434.965.637.503        |                                                                                                                         |
|     |                                                                     |                                        |                                    |                                                        | T3/2025                         |                                     | Nhận tiền phí quản lý nội bộ 2024    | 818.132.400            |                                                                                                                         |
|     |                                                                     |                                        |                                    |                                                        | T12/2025                        |                                     | Phí quản lý nội bộ 2025              | 782.310.000            |                                                                                                                         |
| 26  | Công ty TNHH YAMAHA MOTOR Việt Nam                                  | Công ty liên kết                       | 011022000179                       | Thôn Bình An, xã Trung Giã, Hà Nội                     | T1-12/2025                      |                                     | Doanh thu cung cấp dịch vụ           | 7.027.950.466          | Ông Phí Mạnh Cường (Chủ tịch HĐQT) là Phó Chủ tịch HĐQT.<br>Bà Ngô Thị Thúy Mai (Phó Tổng giám đốc) là Thành viên HĐQT. |
|     |                                                                     |                                        |                                    |                                                        | T3/2025                         |                                     | Hoàn trả cọc hợp đồng thuê văn phòng | 1.215.535.680          |                                                                                                                         |
|     |                                                                     |                                        |                                    |                                                        | T9/2025                         |                                     | Hỗ trợ người lao động                | 55.000.000             |                                                                                                                         |
| 27  | Công ty cổ phần Cờ Đỏ                                               | Công ty liên kết                       | 0101328340                         | Thôn Sông Công, Xã Trung giã, Hà Nội                   | T5,9/2025                       |                                     | Hỗ trợ người lao động                | 166.720.000            |                                                                                                                         |
| 28  | Công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu lâm sản Naforimex Hà Nội | Công ty liên kết                       | 0100103344                         | Số 19 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Hà Nội                 | T4/2025                         |                                     | Hỗ trợ người lao động                | 27.486.200             |                                                                                                                         |

**PHỤ LỤC 04**  
**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

| TT         | Họ và tên                | Tài khoản<br>LKCK | Chức vụ tại<br>công ty   | Số<br>CMT/ĐKKD<br>ngày cấp, nơi<br>cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú  |
|------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------|----------------------------|----------|
| <b>1.</b>  | <b>Hội đồng quản trị</b> |                   |                          |                                        |         |                         |                            |          |
| <b>1.1</b> | <b>Phí Mạnh Cường</b>    |                   | <b>Chủ tịch<br/>HĐQT</b> |                                        |         | <b>2.500</b>            | <b>0,000714%</b>           |          |
| 1.1.1.     | Phí Văn Hoa              |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố đẻ    |
| 1.1.2.     | Đặng Thị Diên            |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ đẻ    |
| 1.1.3.     | Nguyễn Thị Ngọc Thúy     |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Vợ       |
| 1.1.4.     | Phí Ngọc Minh            |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột |
| 1.1.5.     | Phí Ngọc Minh Khuê       |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột |
| 1.1.6.     | Phí Thị Thái Hà          |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị ruột |
| 1.1.7.     | Phí Thanh Bình           |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em ruột  |
| 1.1.8      | Đinh Văn Thuận           |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh rể   |
| 1.1.9.     | Nguyễn Thu Hạnh          |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị dâu  |
| 1.1.10.    | Nguyễn Thị Phương Thảo   |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em dâu   |
| 1.1.11.    | Nguyễn Đắc Lợi           |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố vợ    |
| 1.1.12.    | Nguyễn Thị Thắng         |                   |                          |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ vợ    |



*[Handwritten signature]*

| TT         | Họ và tên                                      | Tài khoản<br>LKCK | Chức vụ tại<br>công ty                | Số<br>CMT/ĐKKD<br>ngày cấp, nơi<br>cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú                                                  |
|------------|------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1.1.13.    | Công ty TNHH YAMAHA<br>Motor Việt Nam          |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Phó Chủ tịch HĐQT                                        |
| 1.1.14.    | Bộ Tài Chính                                   |                   |                                       |                                        |         | 178.500.000             | 51%                        | Đại diện vốn                                             |
| <b>1.2</b> | <b>Đỗ Vinh Quang</b>                           |                   | <b>Phó Chủ<br/>tịch HĐQT</b>          |                                        |         | <b>0</b>                | <b>0%</b>                  |                                                          |
| 1.2.1      | Đỗ Quang Hiến                                  |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố đẻ                                                    |
| 1.2.2      | Lê Thanh Hòa                                   |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ đẻ                                                    |
| 1.2.3      | Đỗ Mỹ Linh                                     |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Vợ                                                       |
| 1.2.4      | Đỗ Tuệ An                                      |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con                                                      |
| 1.2.5      | Đỗ Quang Vinh                                  |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh ruột                                                 |
| 1.2.6      | Đỗ Ngọc Giao                                   |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố vợ                                                    |
| 1.2.7      | Nguyễn Thị Thanh Hằng                          |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ vợ                                                    |
| 1.2.8      | Công ty cổ phần Bất động sản<br>T&T Homes      |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ CTCP<br>bất động sản T&T homes    |
| 1.2.9      | Công ty cổ phần thể thao Hà<br>Nội - T&T       |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ tịch<br>Câu lạc bộ Bóng đá Hà Nội |
| 1.2.10     | Công ty cổ phần Tập đoàn<br>T&T                |                   |                                       |                                        |         | 140.000.000             | 40%                        | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó<br>TGĐ CTCP Tập đoàn T&T      |
| 1.2.11     | Công ty Cổ phần Hàng không<br>Lữ hành Việt Nam |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chủ tịch HĐQT                                            |
| <b>1.3</b> | <b>Lê Quốc Khánh</b>                           |                   | <b>TV HĐQT,<br/>Tổng Giám<br/>đốc</b> |                                        |         | <b>0</b>                | <b>0%</b>                  |                                                          |
| 1.3.1.     | Nguyễn Thị Chung                               |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ đẻ                                                    |
| 1.3.2.     | Bùi Thị Bích Thủy                              |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Vợ                                                       |
| 1.3.3.     | Lê Thị Hương Giang                             |                   |                                       |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột                                                 |

| TT         | Họ và tên                                                  | Tài khoản<br>LKCK | Chức vụ tại<br>công ty     | Số<br>CMT/ĐKKD<br>ngày cấp, nơi<br>cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú       |
|------------|------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------|----------------------------|---------------|
| 1.3.4.     | Lê Khánh Thủy Tiên                                         |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột      |
| 1.3.5.     | Lê Quốc Hoàn                                               |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em ruột       |
| 1.3.6.     | Lê Thị Bích Thủy                                           |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em ruột       |
| 1.3.7.     | Ngô Vĩ Tâm                                                 |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em rể         |
| 1.8.8.     | Bùi Sỹ Chấn                                                |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố vợ         |
| 1.3.9.     | Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng                            |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chủ tịch HĐQT |
| 1.3.10.    | Công ty cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chủ tịch HĐQT |
| 1.3.11.    | Công ty cổ phần Du lịch thương mại Thanh Nhân              |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chủ tịch HĐQT |
| 1.3.12.    | Công ty cổ phần Tập đoàn T&T                               |                   |                            |                                        |         | 140.000.000             | 40%                        | Đại diện vốn  |
| <b>1.4</b> | <b>Nguyễn Trung Kiên</b>                                   |                   | <b>TV HĐQT<br/>Phó TGĐ</b> |                                        |         | <b>2.700</b>            | <b>0,000771%</b>           |               |
| 1.4.1.     | Nguyễn Thị Xuân                                            |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ đẻ         |
| 1.4.2.     | Vũ Lê Anh                                                  |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Vợ            |
| 1.4.3.     | Nguyễn Vũ Khánh Linh                                       |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột      |
| 1.4.4.     | Nguyễn Vũ Anh Quân                                         |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột      |
| 1.4.5.     | Nguyễn Khánh Huyền                                         |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em ruột       |
| 1.4.6.     | Đỗ Thanh Tuấn                                              |                   |                            |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em rể         |

| TT      | Họ và tên                                                        | Tài khoản<br>LKCK | Chức vụ tại<br>công ty | Số<br>CMT/ĐKKD<br>ngày cấp, nơi<br>cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú         |
|---------|------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------|----------------------------|-----------------|
| 1.4.7.  | Lê Thanh Xuân                                                    |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ vợ           |
| 1.4.8.  | Công ty TNHH Sản xuất<br>nguyên liệu giấy Việt Nhật -<br>Cái Lân |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Thành viên HĐQT |
| 1.4.9.  | Công ty TNHH Nguyên liệu<br>giấy Quy Nhơn                        |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Thành viên HĐQT |
| 1.4.10. | Công ty TNHH MTV Lâm<br>nghiệp Ba Tơ                             |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chủ tịch HĐQT   |
| 1.4.11. | Công ty CP Lâm đặc sản và<br>Xuất nhập khẩu Hà Tĩnh              |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chủ tịch HĐQT   |
| 1.4.12. | Công ty TNHH Sản xuất<br>nguyên liệu giấy Việt Nhật              |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | TV HĐQT         |
| 1.4.13. | Bộ Tài Chính                                                     |                   |                        |                                        |         | 178.500.000             | 51%                        | Đại diện vốn    |
| 1.5.    | Ngô Thị Thúy Mai                                                 |                   | TV HĐQT<br>Phó TGĐ     |                                        |         | 4.000                   | 0,001143%                  |                 |
| 1.5.1   | Ngô Gia Nghệ                                                     |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố đẻ           |
| 1.5.2   | Đỗ Thị Mỹ                                                        |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ đẻ           |
| 1.5.3   | Phạm Bá Tuyển                                                    |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chồng           |
| 1.5.4   | Phạm Hà Trang                                                    |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột        |
| 1.5.5.  | Phạm Bá Thành                                                    |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột        |
| 1.5.6.  | Ngô Gia Nghiệp                                                   |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh ruột        |
| 1.5.7.  | Ngô Gia Nhân                                                     |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh ruột        |
| 1.5.8.  | Ngô Gia Thắng                                                    |                   |                        |                                        |         | 2.100                   | 0,000600%                  | Em ruột         |
| 1.5.9.  | Trần Thị Hoa                                                     |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị dâu         |
| 1.5.10. | Phạm Thị Bích Thủy                                               |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị dâu         |
| 1.5.11. | Lê Thị Hường                                                     |                   |                        |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em dâu          |

Y-C  
YAM  
IN  
1A N

*[Signature]*

| TT      | Họ và tên                             | Tài khoản<br>LKCK | Chức vụ tại<br>công ty    | Số<br>CMT/ĐKKD<br>ngày cấp, nơi<br>cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú         |
|---------|---------------------------------------|-------------------|---------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------|----------------------------|-----------------|
| 1.5.12. | Công ty TNHH YAMAHA<br>Motor Việt Nam |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Thành viên HĐQT |
| 1.5.13. | Bộ Tài Chính                          |                   |                           |                                        |         | 178.500.000             | 51%                        | Đại diện vốn    |
| 2.      | <b>Ban Kiểm soát</b>                  |                   |                           |                                        |         |                         |                            |                 |
| 2.1     | <b>Nguyễn Mạnh Hùng</b>               |                   | <b>Trưởng<br/>BKS</b>     |                                        |         | 0                       | 0%                         |                 |
| 2.1.1.  | Nguyễn Hữu Kỳ                         |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố đẻ           |
| 2.1.2.  | Phùng Thị Loan                        |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ đẻ           |
| 2.1.3.  | Nguyễn Thu Nga                        |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Vợ              |
| 2.1.4.  | Nguyễn Nhật Bảo                       |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột        |
| 2.1.5.  | Nguyễn Ngọc Minh Châu                 |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột        |
| 2.1.6.  | Nguyễn Mạnh Cường                     |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em ruột         |
| 2.1.7   | Nguyễn Thị Bích Ngọc                  |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em dâu          |
| 2.2     | <b>Hồ Thị Thanh Huyền</b>             |                   | <b>Thành viên<br/>BKS</b> |                                        |         | 7.000                   | 0,002000%                  |                 |
| 2.2.1.  | Phạm Anh Tuấn                         |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chồng           |
| 2.2.2.  | Phạm Hương Giang                      |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột        |
| 2.2.3.  | Phạm Tuấn Đạt                         |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột        |
| 2.2.4.  | Hồ Thị Thanh Hà                       |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị ruột        |

*Handwritten signature*

| TT      | Họ và tên            | Tài khoản<br>LKCK | Chức vụ tại<br>công ty    | Số<br>CMT/ĐKKD<br>ngày cấp, nơi<br>cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú  |
|---------|----------------------|-------------------|---------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------|----------------------------|----------|
| 2.2.5.  | Hồ Sỹ Hùng           |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh ruột |
| 2.2.6.  | Nguyễn Bá Vượng      |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh rể   |
| 2.2.7.  | Đào Thị Minh Nguyệt  |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị dâu  |
| 2.3     | <b>Đào Quốc Hoàn</b> |                   | <b>Thành viên<br/>BKS</b> |                                        |         | <b>3.600</b>            | <b>0,001029%</b>           |          |
| 2.3.1.  | Quản Thị Năng        |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ đẻ    |
| 2.3.2.  | Nguyễn Thị Khanh     |                   |                           |                                        |         | 6.300                   | 0,001800%                  | Vợ       |
| 2.3.3.  | Đào Việt Hùng        |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột |
| 2.3.4.  | Đào Việt Hoàng       |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột |
| 2.3.5.  | Đào Quang Ngọc       |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh ruột |
| 2.3.6.  | Đào Thị Bình         |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị ruột |
| 2.3.7.  | Đào Thị Mai Anh      |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị ruột |
| 2.3.8.  | Đào Quang Trường     |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh ruột |
| 2.3.9.  | Đào Thị Mỹ Lương     |                   |                           |                                        |         | 2.000                   | 0,000571%                  | Em ruột  |
| 2.3.10. | Nguyễn Thị Phúc      |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị dâu  |
| 2.3.11. | Phạm Quang Hiến      |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh rể   |
| 2.3.12. | Lê Thị Thúy          |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị dâu  |
| 2.3.13. | Ngô Văn Thắng        |                   |                           |                                        |         | 13.000                  | 0,003714%                  | Em rể    |

1:0  
 T  
 AM  
 CÔN  
 V  
 1 TR

| TT      | Họ và tên         | Tài khoản LKCK | Chức vụ tại công ty | Số CMT/ĐKKD ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ | Ghi chú         |
|---------|-------------------|----------------|---------------------|-------------------------------|---------|----------------------|-------------------------|-----------------|
| 2.3.14. | Hoàng Thị Siêng   |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Mẹ vợ           |
| 3       | Ban Tổng Giám đốc |                |                     |                               |         |                      |                         |                 |
| 3.1     | Lê Quốc Khánh     |                | Tổng Giám đốc       |                               |         |                      |                         | (Xem phần HĐQT) |
| 3.2     | Nguyễn Trung Kiên |                | Phó Tổng Giám đốc   |                               |         |                      |                         | (Xem phần HĐQT) |
| 3.3     | Ngô Thị Thúy Mai  |                | Phó Tổng Giám đốc   |                               |         |                      |                         | (Xem phần HĐQT) |
| 3.4     | Vũ Văn Hường      |                | Phó Tổng giám đốc   |                               |         | 2.000                | 0,000571%               |                 |
| 3.4.1.  | Vũ Thị Lệ Khanh   |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Vợ              |
| 3.4.2.  | Vũ Yến Nhi        |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Con ruột        |
| 3.4.3.  | Vũ Minh Châu      |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Con ruột        |
| 3.4.4.  | Vũ Thị Sỹ         |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Chị ruột        |
| 3.4.5.  | Vũ Thị Lê         |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Chị ruột        |
| 3.4.6.  | Vũ Thị Lựu        |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Chị ruột        |
| 3.4.7.  | Vũ Văn Hưng       |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Em ruột         |
| 3.4.8.  | Vũ Văn Hường      |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Em ruột         |
| 3.4.9.  | Vũ Văn Hường      |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | 75800           |
| 3.4.10. | Bùi Đình Cao      |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Anh rể          |
| 3.4.11. | Bùi Thành Nhân    |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Anh rể          |
| 3.4.12. | Ngô Văn Khởi      |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Anh rể          |

001

HÀNG CÔNG

THIỆP

TỶ C

NG

NG

| TT      | Họ và tên                                                                   | Tài khoản LKCK | Chức vụ tại công ty | Số CMT/ĐKKD ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ | Ghi chú       |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------|-------------------------------|---------|----------------------|-------------------------|---------------|
| 3.4.13. | Nguyễn Thị Thu Trang                                                        |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Em dâu        |
| 3.4.14. | Bùi Thị Thu                                                                 |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Em dâu        |
| 3.4.15. | Vũ Đức Đạo                                                                  |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Bố vợ         |
| 3.4.16. | Hà Thị Mai                                                                  |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Mẹ vợ         |
| 3.4.17. | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc                                        |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Chủ tịch HĐQT |
| 3.4.18. | Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Giám đốc      |
| 3.5     | Nguyễn Khương Lâm                                                           |                | Phó Tổng giám đốc   |                               |         | 4.600                | 0,001314%               |               |
| 3.5.1.  | Nguyễn Mạnh Khang                                                           |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Bố đẻ         |
| 3.5.2.  | Dương Thị Thanh                                                             |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Vợ            |
| 3.5.3.  | Nguyễn Diệu Linh                                                            |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Con đẻ        |
| 3.5.4.  | Nguyễn Tuấn Khanh                                                           |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Con đẻ        |
| 3.5.5.  | Nguyễn Đức Thắng                                                            |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Em ruột       |
| 3.5.6.  | Nguyễn Tiến Mạnh                                                            |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Em ruột       |
| 3.5.7.  | Nguyễn Thị Hạnh                                                             |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Em dâu        |
| 3.5.8.  | Lưu Thị Ngọc Lan                                                            |                |                     |                               |         | 0                    | 0%                      | Em dâu        |

*Handwritten signature*

120  
GT  
HẾT  
PH  
3  
P.X

| TT         | Họ và tên                                       | Tài khoản<br>LKCK | Chức vụ tại<br>công ty    | Số<br>CMT/ĐKKD<br>ngày cấp, nơi<br>cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú      |
|------------|-------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------|----------------------------|--------------|
| 3.5.9.     | Nguyễn Thị Nga                                  |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ vợ        |
| 3.5.10.    | Công ty cổ phần giống Lâm<br>nghiệp vùng Nam Bộ |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | CT HĐQT      |
| 3.5.11     | Công ty cổ phần giống Lâm<br>nghiệp vùng Bắc Bộ |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | CT HĐQT      |
| 3.5.12     | Công ty THHH MTV Lâm<br>nghiệp Lộc Bình         |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | CT HĐQT      |
| <b>4</b>   | <b>Kế toán trưởng</b>                           |                   |                           |                                        |         |                         |                            |              |
| <b>4.1</b> | <b>Mai Quý Quảng</b>                            |                   | <b>Kế toán<br/>trưởng</b> |                                        |         | <b>14.400</b>           | <b>0,004114%</b>           |              |
| 4.1.1.     | Mai Quý Nhung                                   |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố đẻ        |
| 4.1.2.     | Hoàng Thị Tho                                   |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ kế        |
| 4.1.3.     | Vũ Lê Lam                                       |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Vợ           |
| 4.1.4.     | Mai Vũ Ngọc Hà                                  |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột     |
| 4.1.5.     | Mai Vũ Quỳnh Chi                                |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con ruột     |
| 4.1.6.     | Mai Thị Hồng Nhung                              |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị ruột     |
| 4.1.7.     | Mai Thị Loan                                    |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị ruột     |
| 4.1.8.     | Mai Thị Hường                                   |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em ruột      |
| 4.1.9.     | Nghiêm Tuấn Đạt                                 |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh rể       |
| 4.1.10.    | Ngô Quang Hòa                                   |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Anh rể       |
| 4.1.11.    | Đỗ Tuấn Đạt                                     |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Em rể        |
| 4.1.12.    | Vũ Duy Việt                                     |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố vợ        |
| 4.1.13.    | Lê Thị Ninh                                     |                   |                           |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ vợ        |
| 4.1.14.    | Bộ Tài Chính                                    |                   |                           |                                        |         | 178.500.000             | 51%                        | Đại diện vốn |

*[Signature]*

| TT    | Họ và tên                    | Tài khoản<br>LKCK | Chức vụ tại<br>công ty             | Số<br>CMT/ĐKKD<br>ngày cấp, nơi<br>cấp | Địa chỉ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú  |
|-------|------------------------------|-------------------|------------------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------|----------------------------|----------|
| 5     | Người phụ trách quản trị TCT |                   |                                    |                                        |         |                         |                            |          |
| 5.1.1 | Nguyễn Quang Minh            |                   | Người phụ<br>trách quản trị<br>TCT |                                        |         | 0                       | 0%                         |          |
| 5.1.2 | Nguyễn Văn Phán              |                   |                                    |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố đẻ    |
| 5.1.3 | Nguyễn Thị Thu Hằng          |                   |                                    |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ đẻ    |
| 5.1.4 | Trần Thị Vân Anh             |                   |                                    |                                        |         | 0                       | 0%                         | Vợ       |
| 5.1.5 | Nguyễn Tuệ Nhi               |                   |                                    |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con gái  |
| 5.1.6 | Nguyễn Hoàng Hiệp            |                   |                                    |                                        |         | 0                       | 0%                         | Con trai |
| 5.1.7 | Nguyễn Thị Thu Hương         |                   |                                    |                                        |         | 0                       | 0%                         | Chị gái  |
| 5.1.8 | Trần Hồng Sơn                |                   |                                    |                                        |         | 0                       | 0%                         | Bố vợ    |
| 5.1.9 | Nguyễn Thị Hiếu              |                   |                                    |                                        |         | 0                       | 0%                         | Mẹ vợ    |